

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47644/CT-HTr
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Kính gửi: Công ty cổ phần tu bổ di tích trung ương Vinaremon
Địa chỉ: Số 489 đường Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
MST: 0100123319

Trả lời công văn số HVT.01.2016.109 đề ngày 02/6/2016 của Liên danh Công ty cổ phần tu bổ di tích trung ương Vinaremon và Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN:

+ Tại điểm n, điểm o khoản 3 Điều 5 quy định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế:

“n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì doanh thu tính thuế doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng sản phẩm thì doanh thu tính thuế là doanh thu của sản phẩm được chia cho từng bên theo hợp đồng.

...- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho các bên còn lại tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.”

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt....”

Căn cứ khoản 1.5 Điều 44 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định:

“1.5. Đối với BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

a) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên liên doanh bỏ ra thì bên đó phải gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng phân chia cho các bên góp vốn.

c) Các bên tham gia liên doanh phải mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

d) Khi bên liên doanh có phát sinh chi phí chung phải mở sổ kế toán để ghi chép, tập hợp toàn bộ các chi phí chung đó. Định kỳ căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh về việc phân bổ các chi phí chung, kế toán lập Bảng phân bổ chi phí chung, được các bên liên doanh xác nhận, giao cho mỗi bên giữ một bản (bản chính). Bảng phân bổ chi phí chung kèm theo các chứng từ gốc hợp pháp là căn cứ để mỗi bên liên doanh kế toán chi phí chung được phân bổ từ hợp đồng....”

Theo tài liệu Công ty gửi kèm công văn: Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000879 ngày 07/9/2010, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 28/7/2014 của UBND TP Hà Nội; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 396A/HTKD ngày 15/10/2009 giữa Công ty cổ phần tư bổ di tích trung ương Vinaremon (Vinaremon) và Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang (Long Giang).

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Vinaremon và Long Giang ký hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án đầu tư “Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở”, trong đó Long Giang là chủ đầu tư dự án, chịu trách nhiệm lo nguồn tài chính để chi trả cho các khoản kinh phí của dự án, có nghĩa vụ thành lập Ban quản lý dự án (hạch toán phụ thuộc Long Giang) để xây dựng và kinh doanh dự án và phân chia lợi nhuận cho các bên thì Ban quản lý dự án được nộp tiền sử dụng đất của dự án vào Ngân sách Nhà nước và hạch toán tiền sử dụng đất vào chi phí của toàn bộ dự án theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 2 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Liên danh Công ty CP tu bổ di tích trung ương Vinaremon và Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 2;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr (2)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Mai Sơn